

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTQĐ ngày .../.../2026
của Giám đốc Đại học)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình Programme:	Cử nhân Thẩm định giá Bachelor of Valuation
Trình độ đào tạo Level of Education:	Đại học Undergraduate
Ngành đào tạo Major:	Tài chính - Ngân hàng Finance and Banking
Mã ngành Code:	7340201
Hình thức đào tạo Type of Education:	Chính quy Full-time
Ngôn ngữ đào tạo Language:	Tiếng Anh English
Thời gian đào tạo Duration Time:	04 năm 04 Years
Số tín chỉ: Credits:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành Decision for major establishment:	...
Kiểm định chương trình Program accreditation:	
Áp dụng từ năm tuyển sinh Valid from:	2026 (đại học chính quy) 2026 (Intake 68)
Đơn vị cấp bằng Degree conferral institution:	Đại học Kinh tế Quốc dân National Economics University
Đơn vị quản lý chuyên môn Unit in charge of academic management:	Viện Ngân hàng – Tài chính School of Banking and Finance

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

* **Mục tiêu chung:** Chương trình cử nhân Thẩm định giá cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính và ngân hàng; kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về thẩm định giá bằng tiếng Anh; trang bị cho người học tư duy độc lập; năng lực tự học tập nâng cao kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

* **Mục tiêu cụ thể:** Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân Thẩm định giá

Mã Code	Mô tả Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên.
PO2	Có kiến nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng, thẩm định giá (thẩm định giá thiết bị máy móc, thẩm định giá tài sản vô hình, thẩm định giá tài sản tài chính, thẩm định giá thương hiệu, thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá doanh nghiệp, pháp luật trong thẩm định giá).
PO3	Có khả năng vận dụng lý thuyết và công nghệ thông tin vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề về thẩm định giá phát sinh trong tình huống thực tế: M&A, thế chấp, cầm cố, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, tính thuế, bồi thường, xử lý tài sản...
PO4	Có khả năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh; năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng để nâng cao trình độ, trở thành công dân toàn cầu.
PO5	Có chính kiến và năng lực làm việc độc lập; Có khả năng giao tiếp tốt và phối hợp làm việc nhóm; Có sức khỏe, chịu được áp lực và thích ứng nhanh với những nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng tài chính ngân hàng, định giá và thẩm định giá.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án/Thông tin tuyển sinh đại học của Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Đại học
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Mã Code	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh, kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh tại các tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính, cơ quan quản lý nhà nước... liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
PLO1.5	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình thẩm định giá các loại tài sản như máy móc thiết bị, bất động sản, thương hiệu, doanh nghiệp... tại các tổ chức, doanh nghiệp, định chế tài chính, cơ quan quản lý nhà nước
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của Đại học
PLO2.1	<u>Kỹ năng công nghệ thông tin:</u> Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet... để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (<i>đáp ứng Khung năng lực số dành cho người học ban hành kèm theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định Khung năng lực số cho người học”</i>)
PLO2.2	<u>Kỹ năng ngoại ngữ:</u> Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (<i>Chi tiết theo quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 712/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 03/6/2025 của Giám đốc Đại học</i>).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Thành thạo kỹ năng, nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng để từ đó lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý các nguồn lực, theo dõi đánh giá và cải tiến các hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp và định chế tài chính (mức 4).
PLO2.4	Thành thạo kỹ năng, nghiệp vụ trong lĩnh vực thẩm định giá để từ đó lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý các nguồn lực, theo dõi đánh giá và cải tiến các hoạt động thẩm định giá tại các tổ chức, doanh nghiệp và định chế tài chính (mức 4).
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Mã Code	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5
PLO1	X	X			
PLO2			X	X	
PLO3					X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Thẩm định giá có thể làm việc tại (1) Các doanh nghiệp Thẩm định giá Việt Nam và quốc tế; (2) Các cơ quan quản lý giá của Nhà nước như Bộ Tài chính, các Sở Tài chính; các cơ quan chính quyền các cấp trong bộ phận định giá tài sản, đền bù giải phóng mặt bằng...; (3) Các định chế tài chính (ngân hàng, các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, kiểm toán, vv..) với các công việc như: xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho việc cổ phần hoá, niêm yết giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, chuyển nhượng, sáp nhập, mua bán công ty, đầu tư tài chính, thẩm định giá trị tài sản trong bảo hiểm...; (4) Các công ty tư vấn chiến lược liên quan đến mua bán, cho thuê thương hiệu, nhượng quyền kinh doanh, cổ phần hóa...; (5) Các công ty, trung tâm đấu giá tài sản, các doanh nghiệp có hoạt động định giá tài sản phục vụ mua bán, chuyển nhượng...; (6) Bộ phận tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực dịch vụ nói chung và thẩm định giá nói riêng; (7) Các doanh nghiệp bất động sản trong công tác thẩm định giá, kinh doanh, đầu tư phát triển và quản lý tài sản; (8) Các viện nghiên cứu và các trường đại học có nghiên cứu và đào tạo về thẩm định giá và quản trị tài sản.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Cử nhân Thẩm định giá sau khi tốt nghiệp có thể học ở bậc sau đại học tại các trường đại học trong và ngoài nước.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

- Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của Đại học	21	05 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của Lĩnh vực	12	04 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	03 tín chỉ (~ 03 HP GDTC)
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của Nhóm ngành	12	04 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của Ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	11 học phần do ngành tự xây dựng
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 HP trong tổ hợp 15 HP
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Thẩm định giá)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				47			
1.1. Các học phần chung				14			
1	1	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	Tiếng Việt
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	LLNL1105 Tiếng Việt
4	3	Pháp luật đại cương	Fundamentals of Laws	EP31.LUCS1129	3	I	Tiếng Anh
3	4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	LLNL1107	2	III	LLNL1106 Tiếng Việt
5	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Communist Party History	LLDL1102	2	IV	LLNL1107 Tiếng Việt
6	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	V	LLNL1107 Tiếng Việt
		Giáo dục thể chất (03 tín chỉ ~ 03 học phần)	Physical Education	GDTC	-		
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	Military Education	GDQP	-		
1.2. Các học phần chung của Đại học				21			
7	1	Kinh tế vi mô 1	Microeconomics 1	EP31.KHMI1101	3	I	Tiếng Anh
8	2	Kinh tế vĩ mô 1	Macroeconomics 1	EP31.KHMA1101	3	II	EP31.KHMI1101 Tiếng Anh
9	3	Toán cho các nhà kinh tế	Mathematics for Economics	EP31.TOCB1110	3	I	Tiếng Anh
10	4	Quản lý học 1	Essentials of Management 1	EP31.QLKT1101	3	I	Tiếng Anh
11	5	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	Monetary and Finance Theories 1	EP31.NHLT1101	3	II	Tiếng Anh

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Thẩm định giá)		MÃ HP	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
12	6.1	Tiếng Anh kinh doanh	Business English	EP31.SBF1115	3	I	Tiếng Anh
	6.2	Tiếng Anh học thuật	Academy English	EP31.SBF1114	3	II	Tiếng Anh
1.3. Các học phần của lĩnh vực				12			
13	1	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	EP31.KTKE1101	3	II	Tiếng Anh
14	2	Quản trị kinh doanh 1	Business Administration 1	EP31.QTTH1102	3	II	Tiếng Anh
15	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	Monetary and Finance Theories 2	EP31.NHLT1103	3	III	EP31.NHLT1101 Tiếng Anh
16	4	Nguyên lý bảo hiểm	Insurance Principles	EP31.BHKT1118	3	III	Tiếng Anh
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83			
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12			
17	1	Tài chính doanh nghiệp 1	Corporate Finance 1	EP31.NHTC1104	3	III	EP31.KTKE1101 EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103 Tiếng Anh
18	2	Ngân hàng thương mại 1	Commercial Banking 1	EP31.NHTM1102	3	III	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103 Tiếng Anh
19	3	Ngân hàng thương mại 2	Commercial Banking 2	EP31.NHTM1111	3	IV	EP31.NHTM1102 Tiếng Anh
20	4	Đề án Lý thuyết tài chính tiền tệ	Course Project of Monetary and Financial Theories	EP31.NHLT1108	3	V	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103 Tiếng Anh
2.2. Các học phần của ngành				61			
2.2.1. Các học phần bắt buộc				31			
21	1	Nguyên lý giá cả thị trường và thẩm định giá	Principles of Pricing and Valuation	EP31.SBF1105	3	III	Tiếng Anh
22	2	Thẩm định giá thiết bị, máy móc	Machinery and Equipment Valuation	EP31.SBF1112	3	IV	EP31.SBF1105 Tiếng Anh

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Thẩm định giá)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy	
23	3	Thẩm định giá tài sản vô hình	Valuation of Intangible Assets	EP31.SBF1111	3	VI	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
24	4	Thẩm định giá doanh nghiệp 1	Corporate Valuation 1	EP31.SBF1109	3	VI	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
25	5	Thẩm định giá doanh nghiệp 2	Corporate Valuation 2	EP31.SBF1110	3	VII	EP31.SBF1109	Tiếng Anh
26	6	Thẩm định giá bất động sản 1	Real Estate Valuation 1	EP31.SBF1107	3	IV	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
27	7	Thẩm định giá bất động sản 2	Real Estate Valuation 2	EP31.SBF1108	3	V	EP31.SBF1107	Tiếng Anh
28	8	Tài chính doanh nghiệp 2	Corporate Finance 2	EP31.NHTC1110	3	IV	EP31.NHTC1104	Tiếng Anh
29	9	Phân tích tài chính	Financial Analysis	EP31.NHTC1108	3	V	EP31.NHTC1104 EP31.NHTC1110	Tiếng Anh
30	10	Chuyên đề thực tế	Project	EP31.SBF1101	4	V	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 10/15 học phần)					30			
31	1	Pháp luật trong Thẩm định giá	Law on Valuation	EP31.SBF1106	3	IV	EP31.LUCS1129 EP31.SBF1105	Tiếng Anh
32	2	Marketing căn bản	Principles of Marketing	EP31.MKMA1104	3	II		Tiếng Anh
33	3	Kinh tế phát triển	Development Economics	EP31.PTKT1128	3	III		Tiếng Anh
34	4	Kinh doanh thương mại	Commercial Business	EP31.TMKT1114	3	IV		Tiếng Anh
35	5	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	EP31.NLQT1103	3	II		Tiếng Anh
36	6	Thống kê kinh doanh	Business statistics	EP31.TKKD1104	3	III	EP31.TOCB1110	Tiếng Anh
37	7	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information Systems	EP31.TIHT1102	3	IV		Tiếng Anh
38	8	Căn bản về Fintech và thực thi	Introduction to Financial Technology and Implementation	EP31.NHQT1119	3	VII	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103	Tiếng Anh
39								

TT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy (Thẩm định giá)		Mã HP	SỐ TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy	
40	9	Thị trường chứng khoán	Stock Market	EP31.NHCK1117	3	VI	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103	Tiếng Anh
	10	Tài chính công	Public Finance	EP31.NHCO1107	3	III	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103	Tiếng Anh
	11	Thẩm định tài chính dự án	Project Evaluation	EP31.NHTC1112	3	VI	EP31.NHTC1104 EP31.NHTC1110	Tiếng Anh
	12	Tài chính quốc tế	International Finance	EP31.NHQT1117	3	VI	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103	Tiếng Anh
	13	Thẩm định giá Thương hiệu	Brand Valuation	EP31.SBF1113	3	VII	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
	14	Ngân hàng trung ương	Central Banking	EP31.NHLT1106	3	IV	EP31.NHLT1101 EP31.NHLT1103	Tiếng Anh
	15	Đấu giá tài sản	Property Auctions	EP31.SBF1102	3	VII	EP31.SBF1105	Tiếng Anh
41	2.3	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	EP31.SBF1103	10	VIII		Tiếng Anh
Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)				130				

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây:

+ Phương pháp kết hợp học đi đôi với hành: đây là phương pháp truyền thống. Theo đó, giảng viên thường giảng dạy theo trình tự chuyển tải hết nội dung lý thuyết rồi mới bắt đầu phần thực hành. Biện pháp dạy là song song hai nội dung dạy lý thuyết và thực hành làm bài tập ngay sau phần lý thuyết. Lý thuyết chính là cơ sở để ứng dụng làm bài tập thực hành.

+ Phương pháp học theo nhóm: Giảng viên chia nhóm từ 4 đến 8 sinh viên cùng nhau làm bài tập nhóm dưới sự hướng dẫn, theo dõi, giám sát của giảng viên. Qua hình thức kiểm tra cá nhân hoặc theo nhóm, kết quả thực hiện sẽ được đánh giá bằng điểm chung cho cả nhóm. Đây là hoạt động nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cùng học tốt, hạn chế tình trạng ỷ lại, trốn tránh công việc của bản thân.

+ Phương pháp học qua giải quyết vấn đề: Đây là phương pháp thông qua những tình huống thực tiễn, sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên tiến hành phân tích vấn đề, đưa ra chiến lược và giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề, báo cáo về vấn đề đặt ra. Đây là quá trình làm việc của sinh viên theo nhóm. Trong quá trình làm việc này, sinh viên phải tự tìm kiếm, sàng lọc, học hỏi thông tin; tổ chức trao đổi thông tin, thảo luận nhóm; phân tích, báo cáo và trình bày.

+ Phương pháp thuyết trình: Phương pháp thuyết trình hay còn gọi là phương pháp trình bày tài liệu trước mọi người, thời gian chuẩn bị có thể là ngay tại lớp hoặc có thời gian tìm hiểu từ trước về chủ đề được giao.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

- Kết thúc khóa học, Đại học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

10.1 Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Theo khảo sát, không có trường đại học nào trên thế giới cung cấp chương trình đào tạo (CTĐT) bậc đại học, chuyên sâu về Thẩm định giá (Valuation) mà thường tập trung vào Thẩm định giá bất động sản (Property Valuation / Real Estate Valuation) kết hợp với Phát triển, Quản lý và Đầu tư bất động sản. Tiêu biểu là chương trình Bachelor of Property Development, Investment and Valuation của RMIT University, Australia (<https://www.rmit.edu.au/study-with-us/levels-of-study/undergraduate-study/honours-degrees/bachelor-of-property-development-investment-and-valuation-honours-bh113>) và Bachelor of Property (Development, Investment and Valuation) của International College of Management Sydney, Australia (<https://www.icms.edu.au/courses/undergraduate/bachelor-property-development-investment-and-valuation/>).

Các chương trình này cung cấp kiến thức liên quan đến quyền sở hữu, quản lý, đầu tư, thẩm định giá và phát triển bất động sản – từ đó giúp người học có đủ năng lực tham gia vào ngành bất động sản, một ngành có giá trị cao tại nhiều quốc gia. Theo đó, các học phần chính của hai CTĐT nêu trên đều tập trung vào loại tài sản là bất động sản như Thị trường bất động sản; Kế toán bất động sản; Phân tích dữ liệu bất động sản; Phát triển bất động sản; Luật bất động sản; Quản lý bất động sản kết hợp với những học phần liên quan đến xây dựng, kiến trúc, kinh tế nông thôn, phát triển bền vững. Học phần riêng về Thẩm định giá không nhiều, gồm Phương pháp và quy trình thẩm định giá; Thẩm định giá ứng dụng (RMIT University); Nguyên lý thẩm định giá; Thẩm định giá thương mại; Thẩm định giá các trường hợp đặc biệt (International College of Management Sydney).

Ngoài ra, một số trường như The University of Melbourne, Australia (<https://study.unimelb.edu.au/find/courses/graduate/graduate-diploma-in-property-valuation/>), Bond University, Australia (<https://bond.edu.au/program/master-of-valuation->

[and-property-development/](#)) cung cấp các khóa học từ 8 tháng đến 2 năm dành cho những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, muốn trang bị thêm kiến thức chuyên sâu và thực hành liên quan đến Thẩm định giá và Phát triển bất động sản.

Như vậy, trên thế giới không có CTĐT nào tương thích hoàn toàn về mục tiêu và khung CTĐT như chương trình cử nhân Thẩm định giá của Đại học Kinh tế Quốc dân.

10.2 Chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học trong nước

Khác với tình hình trên thế giới, tại Việt Nam có nhiều trường đại học cung cấp CTĐT bậc đại học về Thẩm định giá hoặc kết hợp Thẩm định giá với chuyên ngành khác. Bản thân Đại học Kinh tế Quốc dân cũng đã có chương trình đào tạo định hướng ứng dụng Thẩm định giá. Điểm giống của các CTĐT đều là đào tạo bậc đại học, có liên quan đến Thẩm định giá với các học phần đặc trưng là Nguyên lý thẩm định giá, Thẩm định giá máy móc thiết bị, Thẩm định giá tài sản vô hình, Thẩm định giá bất động sản, Thẩm định giá doanh nghiệp, Pháp luật trong thẩm định giá. Các CTĐT này đều đặt mục tiêu cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp liên quan đến Thẩm định giá. Tuy nhiên, có những sự khác biệt rõ rệt với CTĐT cử nhân Thẩm định giá (đào tạo bằng tiếng Anh) của Đại học Kinh tế Quốc dân như sau:

Trường Đại học Kinh tế TP HCM cung cấp CTĐT Thẩm định giá và Quản trị tài sản, thuộc ngành Kinh tế Đầu tư (gồm 126 tín chỉ toàn khóa, giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt). Các học phần kiến thức cơ sở ngành và ngành của CTĐT này liên quan đến lĩnh vực Kinh tế Đầu tư. Kiến thức chuyên ngành kết hợp cả Thẩm định giá và Quản trị tài sản. Tham khảo tại: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/tham-dinh-gia-va-quan-tri-tai-san-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/>

Trường Đại học Tài chính Marketing cung cấp CTĐT có tên tương đồng là Thẩm định giá và cùng thuộc ngành Tài chính Ngân hàng (120 tín chỉ toàn khóa), nhưng đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Việt, không có học phần nào giảng dạy bằng tiếng Anh. Tham khảo tại: <https://drive.google.com/file/d/1y81x3wseJ2Rnrf0V10BiEYzeczGtCukQ/view>

Trường Học viện Tài chính cung cấp CTĐT Thẩm định giá và Kinh doanh bất động sản, thuộc ngành Tài chính Ngân hàng (129 tín chỉ toàn khóa, 16 tín chỉ tự chọn giảng dạy bằng tiếng Anh). Các học phần kiến thức cơ sở ngành, ngành liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng nhưng kiến thức chuyên ngành kết hợp cả Thẩm định giá và Kinh doanh bất động sản. Tham khảo tại: <https://hvtc.edu.vn/Portals/1/2023/2019.CTDT/0F9-CN16..pdf>

Bản thân Đại học Kinh tế Quốc dân cũng đã có CTĐT POHE Thẩm định giá, thuộc hệ chất lượng cao, với số tín chỉ lớn (135 tín chỉ), trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng và chuyên sâu về Thẩm định giá, trong đó có kết hợp với hoạt động thực hành thực tế (12 tín chỉ không gồm khóa luận tốt nghiệp). Tuy nhiên, CTĐT này mới có một số học phần chung của lĩnh vực và cơ sở ngành được đào tạo bằng tiếng Anh (52 tín chỉ, chiếm 38,52% tổng số tín chỉ). Tham khảo tại: https://aep.neu.edu.vn/wp-content/uploads/2025/05/2025.05.26-CTDT_POHE_Tham_dinh_gia-NEW.pdf

Tổng hợp lại, điểm khác biệt vượt trội của CTĐT cử nhân Thâm định giá (đào tạo bằng tiếng Anh) của Đại học Kinh tế Quốc dân là tổng số tín chỉ toàn khóa lớn (130 tín chỉ), trong đó có 30 tín chỉ kiến thức chuyên sâu về thâm định giá, nhiều hơn tất cả CTĐT tương tự của các cơ sở giáo dục đại học khác. Đồng thời, CTĐT cũng gồm đầy đủ các học phần tương thích với nội dung các môn thi thê chứng chỉ viên về giá của Bộ Tài chính Việt Nam. Ngoại trừ các học phần Lý luận chính trị, tất cả học phần còn lại đều được giảng dạy bằng tiếng Anh, giúp người học hội nhập tốt hơn với môi trường nghề nghiệp quốc tế.

Tên trường	Tên CTĐT	Tên ngành	Bậc đào tạo/ hệ	Ngôn ngữ	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ chuyên sâu về Thâm định giá (không gồm KLTN)
Trường ĐH Kinh tế TP HCM	Thâm định giá và Quản trị tài sản	Kinh tế Đầu tư	ĐH Tiên tiến quốc tế	100% Tiếng Việt	126	21
Trường ĐH Tài chính Marketing	Thâm định giá	TCNH	ĐH Chính quy	100% Tiếng Việt	120	24
Trường HV Tài chính	Thâm định giá và Kinh doanh BĐS	TCNH	ĐH Chính quy	Tiếng Việt + 16 tín chỉ tự chọn Tiếng Anh	129	8
ĐH KTQD	POHE Thâm định giá	TCNH	ĐH chất lượng cao	Tiếng Việt + 31 tín chỉ bắt buộc Tiếng Anh + 21 tín chỉ tự chọn Tiếng Anh	135	30
ĐH KTQD	Thâm định giá	TCNH	ĐH Đặc thù	100% tiếng Anh (trừ Lý luận chính trị)	135	30

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

11.1. Giảng viên: tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:

- Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

- Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

- Giảng viên giảng dạy học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên.

11.2. Trợ giảng tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:

- Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Trợ giảng các học phần cơ sở khối ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Đại học Kinh tế Quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Đại học.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Đại học đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt đề tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào các ngành/chương trình đại học chính quy của Đại học theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PGS.TS Hoàng Xuân Quế

PGS.TS Bùi Huy Nhượng

Phụ lục 1: MÔ TẢ HỌC PHẦN

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy/ LLNL1105/ 3 tín chỉ	<p>Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.</p>
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism/ LLNL1106/ 2 tín chỉ	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên.</p> <p>Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism/ LLNL1107/ 2 tín chỉ	<p>Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>
4	<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History/ LLDL1102/ 2 tín chỉ</p>	<p>Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.</p> <p>Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.</p>
5	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology/ LLTT101/ 2 tín chỉ</p>	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
6	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws/ EP31.LUCS1129/ 3 tín chỉ	<p>Học phần có nội dung nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, quy định của pháp luật hiện hành điều chỉnh các quan hệ pháp luật phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, các quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại của các chủ thể kinh doanh. Học phần trình bày chuyên sâu về: pháp luật đầu tư thành lập doanh nghiệp và các hình thức tổ chức kinh doanh khác; quy chế pháp lý chung về đăng ký thành lập và tổ chức quản lý doanh nghiệp; những đặc điểm trong thành lập, hoạt động và cơ chế tổ chức, quản lý hoạt động của các loại hình doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác đang hoạt động theo pháp luật Việt Nam; pháp luật về giải thể và phá sản đối với doanh nghiệp và hợp tác xã.</p>
	Giáo dục thể chất Physical Education/ GDTC/ 3 tín chỉ ~ 03 học phần	<p>Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.</p> <p>Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDTT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.</p> <p>Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập</p> <p>Các học phần giáo dục thể chất bao gồm: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Khiêu vũ thể thao, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi học phần là 1 tín chỉ (thực hành), sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số các học phần giáo dục thể chất trên.</p>
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education/ GDQPAN/ 165 tiết tín chỉ	<p>Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ).</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.
7	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1/ EP31.KHMI1101/ 3 tín chỉ	Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...
8	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1/ EP31.KHMA1101/ 3 tín chỉ	Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics/ EP31.TOCB1110/ 3 tín chỉ	<p>Học phần nằm trong phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế.</p> <p>Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 5 trình bày về phép toán tích phân và ứng dụng; chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
10	Quản lý học 1 Essentials of Management / EP31.QLKT1101 / 3 tín chỉ	Học phần này giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý và chức năng cốt lõi của quản trị, bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Học phần cũng phân tích cách các nhà quản lý đưa ra quyết định, dẫn dắt nhóm làm việc và ứng phó với những thách thức trong tổ chức cũng như từ môi trường bên ngoài. Thông qua các ví dụ thực tiễn và hoạt động mang tính ứng dụng, sinh viên sẽ xây dựng nền tảng vững chắc để hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của nhà quản lý trong cả khu vực công và khu vực tư.
11	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Finance Theories 1 / EP31.NHLT1101 / 3 tín chỉ	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 là học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc, dành cho sinh viên chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính của trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ: tổng quan về tài chính tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính. Trên cơ sở đó sinh viên có được các kiến thức căn bản cần thiết để nghiên cứu các học phần chuyên sâu theo mỗi chuyên ngành đào tạo. Nội dung chính gồm có: Tổng quan về tài chính tiền tệ; Hệ thống tài chính; Ngân sách Nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Lãi suất; Thị trường tài chính
12	Ngoại ngữ Foreign Language/ EP31./	
	Tiếng Anh kinh doanh Business English / EP31.SBF1115 / 3 tín chỉ	Học phần được thiết kế dành riêng cho sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng, tập trung trang bị cho người học ngôn ngữ chuyên ngành và các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thành công trong những lĩnh vực năng động và có tính cạnh tranh cao này. Học phần kết hợp việc nâng cao năng lực tiếng Anh thương mại thực tiễn với những hiểu biết về môi trường tài chính và thương mại toàn cầu, giúp sinh viên sẵn sàng và tự tin tham gia vào các bối cảnh nghề nghiệp chuyên nghiệp.
	Tiếng Anh học thuật Academy English / EP31.SBF1114 / 3 tín chỉ	Học phần này được thiết kế dành riêng cho sinh viên theo học các chương trình Tài chính – Ngân hàng, với trọng tâm là trang bị cho người học những kỹ năng tiếng Anh học thuật thiết yếu nhằm hỗ trợ hiệu quả cho quá trình học tập và sự nghiệp trong tương lai. Học phần đặc biệt chú trọng phát triển năng lực viết học thuật dựa trên nghiên cứu của sinh viên. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng thuyết trình học thuật hiệu quả, giúp họ trình bày và truyền đạt ý tưởng một cách tự tin, chuyên nghiệp cả bằng hình thức nói và viết trong môi trường học thuật và kinh doanh.

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
	Nguyên lý kế toán Accounting Principles / EP31.KTKE1101 / 3 tín chỉ	Học phần nguyên lý kế toán nhằm trang bị những kiến thức kế toán nền tảng giúp người học hiểu được những vấn đề căn bản của kế toán bao gồm khái niệm, bản chất, vai trò của kế toán, người sử dụng thông tin kế toán, các báo cáo kế toán như là sản phẩm của kế toán. Học phần giới thiệu về các nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung làm nền tảng cho thực hành kế toán và lập báo cáo tài chính. Người học sau đó được giới thiệu các kiến thức, các phương pháp và trình tự kế toán cho từng đối tượng thuộc báo cáo tài chính như tài sản, công nợ, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Học phần này là nền tảng cho việc học tập các học phần tiếp theo về tài chính, quản trị kinh doanh, quản lý và chuyên sâu kế toán.
	Quản trị kinh doanh 1 Business Administration 1 / EP31.QTTH1102 / 3 tín chỉ	Quản trị kinh doanh 1 là học phần đại cương, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kiến thức kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là: Kinh doanh gồm các vấn đề chung về kinh doanh, môi trường kinh doanh và hiệu quả kinh doanh; Quản trị kinh doanh gồm các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở, nội dung của các hoạt động quản trị kinh doanh.
	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Finance Theories 2 / EP31.NHLT1103 / 3 tín chỉ	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 là học phần thuộc phần kiến thức bắt buộc sinh viên chuyên ngành ngân hàng tài chính của trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ. Nội dung chính của học phần bao gồm: Các tổ chức tài chính trung gian và ngân hàng thương mại; Các lý thuyết về cầu tiền tệ; Ngân hàng Trung ương, quá trình cung ứng tiền và chính sách tiền tệ; Lạm phát; Tài chính quốc tế. Trên cơ sở đó sinh viên có được các kiến thức căn bản cần thiết để nghiên cứu các học phần chuyên sâu theo mỗi chuyên ngành đào tạo.
	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles / EP31.BHKT1118 / 3 tín chỉ	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu có hệ thống về nguyên lý bảo hiểm. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức: Tổng quan về bảo hiểm; Những nguyên tắc chính trong bảo hiểm; Chính sách và pháp luật về bảo hiểm; Các loại hình bảo hiểm; Giao dịch trong bảo hiểm; Công tác truyền thông và công nghệ thông tin trong bảo hiểm

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1 / EP31.NHTC1104 / 3 tín chỉ	Học phần Tài chính doanh nghiệp 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp, là nền tảng cho những môn học chuyên sâu hơn về tài chính doanh nghiệp. Học phần bám sát những nội dung chủ yếu trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, từ tổng quan về tài chính doanh nghiệp đến những vấn đề cụ thể như báo cáo tài chính, thuế, định giá tài sản, huy động vốn. Nội dung chính: Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc của quản trị tài chính doanh nghiệp; Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp; Giá trị thời gian của tiền và các ứng dụng trong thực tế; Định giá trái phiếu, cổ phiếu; Các phương thức huy động nợ và vốn chủ sở hữu.
	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Banking / EP31.NHTM1102 / 3 tín chỉ	Môn học nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về ngân hàng thương mại (các khái niệm, chức năng, lịch sử ra đời và phát triển), nguồn vốn của ngân hàng (các nguồn vốn và quản lý nguồn vốn), tài sản của ngân hàng (các loại tài sản và quản lý tài sản).
	Ngân hàng thương mại 2 Commercial Banking 2 / EP31.NHTM1111 / 3 tín chỉ	Môn học nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động tín dụng cũng như các vấn đề lý thuyết về định giá và phân tích tài chính ngân hàng thương mại, đó là: (i) Các nghiệp vụ tín dụng, (ii) Chính sách tín dụng và phân tích tín dụng, (iii) Quản lý vốn chủ sở hữu, (iv) Phân tích hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại; và (v) Rủi ro và quản lý rủi ro trong kinh doanh của ngân hàng thương mại
	Đề án Lý thuyết tài chính tiền tệ Course Project of Monetary and Financial Theories / EP31.NHLT1108 / 3 tín chỉ	Đề án Lý thuyết tài chính tiền tệ được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm giúp sinh viên nắm vững và sâu về các vấn đề xoay quanh môn học Lý thuyết tài chính tiền tệ 1, 2. Đây là bước đầu để sinh viên làm quen với việc luận giải một vấn đề về lý thuyết, từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu và thực hiện các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.
	Nguyên lý giá cả thị trường và thẩm định giá Principles of Pricing and Valuation / EP31.SBF1105 / 3 tín chỉ	Học phần này cung cấp nền tảng về cách thức hình thành giá cả trên thị trường và các nguyên lý cơ bản trong thẩm định giá tài sản. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức kinh tế về giá cả (cung – cầu, cân bằng giá, cơ chế thị trường) làm nền tảng, giúp sinh viên hiểu rõ mối quan hệ giữa giá cả thị trường và giá trị tài sản. Học phần tập trung vào các nội dung cơ bản nhất của thẩm định giá như khái niệm; mục đích thẩm định giá; cơ sở giá trị tài sản sau đó tìm hiểu quy trình và phương pháp thẩm định giá tài sản theo chuẩn mực

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		quốc tế và Việt Nam. nắm vững các phương pháp định giá cổ điển (so sánh, chi phí, thu nhập), cũng như các tiêu chuẩn nghề nghiệp và đạo đức trong thẩm định giá. Đây là học phần cơ sở cho sinh viên chuyên ngành Thẩm định giá, làm tiền đề cho các môn chuyên sâu hơn về thẩm định giá bất động sản, doanh nghiệp, máy móc thiết bị, v.v.
	Thẩm định giá thiết bị, máy móc Machinery and Equipment Valuation / EP31.SBF1105 / 3 tín chỉ	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và có hệ thống về máy móc, thiết bị – một loại tài sản quan trọng trong nhiều lĩnh vực sản xuất và kinh doanh. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về đặc điểm kỹ thuật, đặc điểm pháp lý; các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của máy móc thiết bị. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cũng như cơ chế hình thành giá cả trên thị trường và đặc điểm thị trường máy móc thiết bị.</p> <p>Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các nguyên tắc cơ bản và cơ sở xác định giá trị của máy móc thiết bị, cùng với quy trình thẩm định giá được chuẩn hóa. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về các cách tiếp cận thẩm định giá và kỹ năng áp dụng ba phương pháp chính trong thẩm định giá loại tài sản này: phương pháp chi phí, phương pháp so sánh và phương pháp chiết khấu dòng tiền. Cuối cùng, sinh viên được trang bị kiến thức để viết báo cáo thẩm định giá; chứng thư thẩm định giá và lưu hồ sơ thẩm định giá. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh tính thực tiễn thông qua việc phân tích các tình huống cụ thể và giải quyết các bài tập mô phỏng hoạt động thẩm định giá máy móc thiết bị trong điều kiện Việt Nam hiện nay. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy nghề nghiệp, khả năng phân tích và ra quyết định thẩm định giá tài sản một cách khách quan, khoa học và phù hợp với chuẩn mực chuyên môn.</p>
	Thẩm định giá tài sản vô hình Valuation of Intangible Assets / EP31.SBF1111 / 3 tín chỉ	Thẩm định giá trị tài sản vô hình là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành trong Thẩm định giá trị các loại tài sản vô hình khác nhau như nhãn hiệu, thương hiệu, lợi thế kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ, vv..
	Thẩm định giá doanh nghiệp 1 Corporate Valuation 1 / EP31.SBF1109 / 3 tín chỉ	Thẩm định giá doanh nghiệp 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành trong việc thu thập thông tin, phân tích, chuẩn đoán hoạt động của doanh nghiệp phục vụ cho việc xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị các loại tài sản khác nhau trong doanh nghiệp cũng như các kỹ năng tổ chức quản lý hoạt động đánh giá giá trị doanh nghiệp. Làm chủ

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>được các kỹ thuật xác định chi phí vốn theo chuẩn quốc tế và quy định của các văn bản luật tại Việt Nam.</p>
	<p>Thẩm định giá doanh nghiệp 2 Corporate Valuation 2 / EP31.SBF1110 / 3 tín chỉ</p>	<p>Thẩm định giá Doanh nghiệp 2 là một học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp những kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực tiễn phục vụ cho việc thu thập thông tin, phân tích và chẩn đoán hoạt động kinh doanh nhằm xác định giá trị doanh nghiệp cũng như giá trị của các loại tài sản khác nhau trong doanh nghiệp.</p> <p>Học phần cung cấp hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản, hiện đại và thực tiễn về việc thu thập thông tin, phân tích và chẩn đoán hoạt động kinh doanh phục vụ cho việc thẩm định giá trị doanh nghiệp và định giá các loại tài sản đặc thù thuộc sở hữu của doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng đánh giá và quản lý giá trị của doanh nghiệp trên thị trường.</p>
	<p>Thẩm định giá bất động sản 1 Real Estate Valuation 1 / EP31.SBF1107 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần trang bị cho sinh viên ngoài phần lý thuyết có cả nội dung thực hành. Nội dung học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thẩm định giá bất động sản (BDS); sự cần thiết phải thẩm định giá bất động sản; bản chất và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị, giá cả bất động sản; các căn cứ và nguyên tắc kinh tế trong thẩm định giá bất động sản; quy trình thực hiện thẩm định giá bất động sản; vai trò và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người thẩm định giá.</p> <p>Học phần cũng cung cấp cách tiếp cận từ thị trường và cách tiếp cận từ chi phí và các phương pháp được xây dựng dựa trên các cách tiếp cận này (phương pháp so sánh; phương pháp chi phí tái tạo và phương pháp chi phí thay thế). Ngoài ra sinh viên được trang bị các kỹ năng thực hành các tình huống thực tế để bước đầu có thể thẩm định giá được các bất động sản.</p>
	<p>Thẩm định giá bất động sản 2 Real Estate Valuation 2 / EP31.SBF1108 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần trang bị thêm kiến thức về các phương pháp thẩm định giá bất động sản và định giá đất bao gồm phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư và các phương pháp định giá đất. Sinh viên hiểu bản chất từng phương pháp, thực hiện các bước nội dung của từng phương pháp để có thể tính toán được giá trị của bất động sản. Phát triển kiến thức nâng cao hơn so với thẩm định giá bất động sản 1, học phần đào tạo và hướng dẫn thẩm định giá các bất động sản chuyên sâu. Qua đó sinh viên được rèn luyện kỹ năng ứng dụng trong các tình huống thẩm định giá bất động sản phức tạp hơn.</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>Học phần giúp sinh viên: Áp dụng thành thạo thêm kỹ năng thẩm định giá vào nhiều loại hình bất động sản khác nhau (thương mại, công nghiệp, khách sạn, quyền bất động sản và bất động sản đặc thù) và cho các mục đích định giá khác nhau. Sinh viên được rèn luyện tác phong chuyên nghiệp: có khả năng viết báo cáo, chứng thư thẩm định giá chi tiết, làm việc nhóm hiệu quả, và ứng xử như một chuyên gia thẩm định giá bất động sản thực sự.</p>
	<p>Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2 / EP31.NHTC1110 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Tài chính doanh nghiệp 2 trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của Tài chính doanh nghiệp là: lựa chọn nguồn tài trợ, xác định cơ cấu vốn tối ưu và lập kế hoạch xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp, đưa ra các quyết định quản lý tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp. Các nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: (1) Rủi ro và Doanh lợi; (2) Chi phí vốn của DN; (3) Cơ cấu vốn của DN; (4) Chính sách cổ tức; (5) Quản lý tài sản ngắn hạn của DN; (6) Mua bán và sáp nhập.</p>
	<p>Phân tích tài chính doanh nghiệp Financial Analysis / EP31.NHTC1108 / 3 tín chỉ</p>	<p>Từ việc nắm được mục đích phân tích tài chính doanh nghiệp tương ứng với các chủ thể khác nhau và quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp, người học phải thực hiện được quy trình phân tích tài chính doanh nghiệp của một doanh nghiệp cụ thể bắt đầu từ việc thu thập số liệu xử lý số liệu cũng như vận dụng các phương pháp thích hợp để phân tích đánh giá được tình hình phân tích của doanh nghiệp trên các khía cạnh cơ bản: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư.</p> <p>Nội dung chính: Giới thiệu lý luận cơ bản về phân tích tài chính; Hệ thống các báo cáo tài chính; Phân tích các chỉ tiêu tài chính; Ứng dụng phân tích tài chính.</p>
	<p>Chuyên đề thực tế Project / EP31.SBF1101 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Chuyên đề thực tế là một nội dung của Chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Học phần này nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Chương trình thông qua việc gắn kết giữa đào tạo trên lớp với thực tiễn tại các đơn vị. Học phần được thiết kế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn, nghiên cứu về các chủ đề thực tế thuộc lĩnh vực chuyên sâu về tài chính ngân hàng trong chương trình đào tạo gắn với các cơ quan, doanh nghiệp cụ thể. Sinh viên nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên nhằm nâng cao khả năng giải quyết các tình huống thực tế trên cơ</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		sở nền tảng học thuật được đúc kết từ thực tiễn. Mỗi sinh viên sẽ được một giảng viên hướng dẫn và phải hoàn thành Báo cáo Chuyên đề thực tế tại một đơn vị cụ thể.
	Pháp luật trong Thẩm định giá Law on Valuation / EP31.SBF1106 / 3 tín chỉ	Môn học đề cập các nội dung có liên quan đến các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động định giá và Thẩm định giá như: Tài sản; doanh nghiệp; thẩm định viên, Thẩm định giá, doanh nghiệp Thẩm định giá; Hợp đồng Thẩm định giá; Cung cấp cho người học các nội dung cơ bản, nền tảng nhất cho hoạt động Thẩm định giá, định giá tài sản. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp những kiến thức pháp luật khác có liên quan đến Thẩm định giá để người học có thể ứng dụng trong đời sống, xã hội.
	Marketing căn bản Principles of Marketing / EP31.MKMA1104 / 3 tín chỉ	Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng – thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm, Giá cả, Kênh phân phối và Truyền thông marketing. Học phần được xem là nền tảng cho việc tích lũy các học phần chuyên sâu của marketing.
	Kinh tế phát triển Development Economics / EP31.PTKT1128 / 3 tín chỉ	Kinh tế phát triển (KTPT) là môn học thuộc hệ thống các môn kinh tế học, nghiên cứu nguyên lý phát triển kinh tế trong các điều kiện kém phát triển. Học phần KTPT được thiết kế dành cho khối kiến thức cơ sở ngành của sinh viên các ngành kinh tế. Với thời lượng 3 đơn vị tín chỉ (45 tiết) nội dung học phần chủ yếu tập trung giới thiệu các khía cạnh nguyên lý chung về phát triển kinh tế, cụ thể bao gồm: Tiêu chí phân loại và các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế thế giới, các đặc trưng kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển; Nội hàm của phát triển kinh tế và phát triển bền vững nền kinh tế; Các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi xã hội cho con người. Dựa trên các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế, học phần đặt vấn đề vận dụng phân tích đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.
	Kinh doanh thương mại	Học phần Kinh doanh thương mại giải quyết những vấn đề chính yếu như sau: (i) Trang bị những kiến thức nền tảng cho sinh viên khối ngành quản trị kinh doanh nói chung, ngành kinh doanh thương mại nói riêng.

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
	Commercial Business / EP31.TMKT1114 / 3 tín chỉ	Cung cấp hệ thống lý luận và thực tiễn về kinh doanh thương mại trong nền kinh tế quốc dân. Đó là những kiến thức về các lý thuyết kinh doanh thương mại; phương thức và các hình thức kinh doanh thương mại truyền thống và hiện đại ở thị trường trong nước cũng như thị trường quốc tế. (ii) Nghiên cứu tổng kết những kinh nghiệm từ thực tiễn kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo năng lực nghiên cứu và vận dụng trong việc xác định đúng đắn phương hướng chiến lược và các biện pháp giải quyết các vấn đề kinh doanh của doanh nghiệp một cách hiệu quả, bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế.
	Quản trị nhân lực Human Resource Management / EP31.NLQT1103 / 3 tín chỉ	Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động quản trị nhân lực trong mối quan hệ giữa chúng với chiến lược của doanh nghiệp. Người học sẽ được giới thiệu những tiếp cận chiến lược trong tuyển dụng, quản lý sự thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động và gìn giữ nhân viên trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp các kỹ năng xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược thu hút và tuyển chọn nhân tài, chiến lược quản lý thực hiện công việc, chiến lược thù lao lao động và gìn giữ nhân viên.
	Thống kê kinh doanh Business statistics / EP31.TKKD1104 / 3 tín chỉ	Thống kê kinh doanh cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu. Cụ thể, học phần cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích thống kê mô tả như bảng, đồ thị, và tính các tham số đặc trưng; các phương pháp thống kê suy diễn như ước lượng, kiểm định, phân tích hồi quy, phân tích dãy số thời gian, và chỉ số. Kết quả từ các phương pháp phân tích thống kê là cơ sở cho việc ra quyết định cả ở cấp vĩ mô và vi mô. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu các ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích dữ liệu giúp người học dễ dàng tiếp cận các phương pháp một cách thuận tiện.
	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems / EP31.TIHT1102 / 3 tín chỉ	Học phần cung cấp các kiến thức toàn diện về hệ thống thông tin quản lý trong các tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng với sáu phần nội dung chính: (1) các khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý, (2) các thành phần công nghệ của hệ thống thông tin, (3) các hệ thống thông tin dưới góc độ quản lý và ra quyết định, (4) các hệ thống thông tin ứng dụng trong kinh doanh, (5) phát triển các hệ thống thông tin

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>trong tổ chức, (6) quản trị các nguồn lực hệ thống thông tin trong tổ chức. Cũng trong học phần này, người học được thực hành giải các bài toán trong quản lý và quản trị kinh doanh, trong đó đòi hỏi có sự kết hợp kiến thức lý thuyết về hệ thống thông tin và kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng. Tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại dưới góc độ quản lý, học phần Hệ thống thông tin quản lý sẽ trang bị những kiến thức và kỹ năng thực sự cần thiết và hữu ích cho các nhà quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh tương lai.</p>
	<p>Căn bản về Fintech và thực thi Introduction to Financial Technology and Implementation / EP31.NHQT1119 / 3 tín chỉ</p>	<p>Khóa học này sẽ giúp sinh viên tiếp cận các dịch vụ fintech mới trong một bối cảnh và khuôn khổ phân tích có tính phản biện — kết hợp giữa các kiến thức về tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính truyền thống với nội dung liên ngành, chủ yếu từ khoa học máy tính và khởi nghiệp</p>
	<p>Thị trường chứng khoán Stock Market / EP31.NHCK1117 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Thị trường chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán. Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản về thị trường chứng khoán như: Tổng quan về thị trường chứng khoán, khái niệm về chứng khoán và các phương pháp định giá chứng khoán, phát hành và giao dịch chứng khoán trên sở giao dịch và thị trường OTC. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ thực hiện giải quyết các bài tập cá nhân và các bài tập nhóm liên quan đến việc liên hệ thực tiễn trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</p>
	<p>Tài chính công Public Finance / EP31.NHCO1107 / 3 tín chỉ</p>	<p>Tài chính công là học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tác động tài chính vĩ mô của Chính phủ, về chi tiêu công và đánh giá các chương trình chi tiêu công, về thuế và tác động của thuế, về ngân sách và quản lý NSNN, về nợ và quản lý nợ của Chính phủ. Trên cơ sở đó, sau khi ra trường, họ có khả năng đảm nhận và hoàn thành tốt các công việc trong các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước.</p>
	<p>Thẩm định tài chính dự án Project Evaluation / EP31.NHTC1112 / 3 tín chỉ</p>	<p>Khóa học này cung cấp kiến thức chuyên sâu về dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư nói chung và thẩm định tài chính dự án nói riêng. Sau khi học xong khóa học này người học sẽ nắm được cách xác định dòng tiền của dự án, lãi suất chiết khấu của dự án và các tiêu chí để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án. Người</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>học cũng có thể phân tích rủi ro của dự án bằng cách ứng dụng các phần mềm như Excel, Crystalball... từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả.</p>
	<p>Tài chính quốc tế International Finance / EP31.NHQT1117 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Tài chính quốc tế trang bị kiến thức cơ sở về tài chính quốc tế cho sinh viên thuộc các ngành đào tạo của Đại học Kinh tế quốc dân. Nội dung học phần đề cập và nghiên cứu các vấn đề cơ bản nhất về các phạm trù và hoạt động tài chính quốc tế, cụ thể: Các vấn đề cơ bản về hệ thống tiền tệ quốc tế, các định chế tài chính quốc tế; Các nội dung liên quan đến cán cân thanh toán quốc tế; những vấn đề cơ bản về tỷ giá; thị trường ngoại hối.</p> <p>Đối với nội dung các vấn đề cơ bản về hệ thống tiền tệ quốc tế, học phần trang bị kiến thức cho sinh viên về hệ thống tiền tệ quốc tế qua các giai đoạn lịch sử bao gồm: hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và nguyên nhân sụp đổ. Xác định được lịch sử, các thể chế và sự phát triển kinh tế của các quốc gia đặc biệt trong giai đoạn sau chiến tranh thế giới lần thứ hai sẽ giúp sinh viên có được nền tảng tốt để nghiên cứu tài chính quốc tế.</p> <p>Đối với nội dung về cán cân thanh toán quốc tế, học phần trang bị kiến thức cho sinh viên về cán cân, nội dung các khoản mục trong cán cân thanh toán quốc tế, ý nghĩa, vai trò của các khoản mục này đối với tình trạng của cán cân thanh toán quốc tế mỗi quốc gia và các nhân tố ảnh hưởng tới độ lớn của các khoản mục, cũng như giải pháp cân bằng cán cân ở tình trạng thặng dư và thâm hụt.</p> <p>Đối với nội dung về tỷ giá, học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về tỷ giá như: khái niệm, phân loại, vai trò, cách biểu diễn niêm yết tỷ giá, chế độ tỷ giá, các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ giá, các học thuyết xác định tỷ giá và chính sách tỷ giá.</p> <p>Đối với nội dung về thị trường ngoại hối, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thị trường ngoại hối như: khái niệm, vai trò, phân loại, các chủ thể tham gia thị trường, các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường ngoại hối...sinh viên còn được trực tiếp thực hành những nghiệp vụ kinh doanh cụ thể.</p>
	<p>Thẩm định giá Thương hiệu Brand Valuation / EP31.SBF1113 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Thẩm định giá thương hiệu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu, pháp luật về Thẩm định giá thương hiệu, nguyên tắc và quy trình Thẩm định giá thương hiệu... Trên cơ sở các kiến thức được cung cấp, sinh viên vận dụng được các kiến thức này trong thực hiện Thẩm định giá đối</p>

TT	Học phần/Mã HP/số TC	Mô tả học phần
		<p>với những thương hiệu cụ thể. Học phần được thiết kế với các nội dung cơ bản về hoạt động Thẩm định giá thương hiệu, bao gồm: (1) những vấn đề cơ bản về thương hiệu, Thẩm định giá thương hiệu; (2) nguyên tắc và quy trình Thẩm định giá thương hiệu; (3) phương pháp Thẩm định giá thương hiệu; (4) Một số mô hình Thẩm định giá thương hiệu.</p>
	<p>Ngân hàng trung ương Central Banking / EP31.NHLT1106 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Ngân hàng Trung ương đề nghiên cứu về nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng Trung ương. Học phần đề cập một cách khoa học và có hệ thống về Ngân hàng Trung ương từ quá trình hình thành và phát triển, mô hình tổ chức, chức năng, bảng tổng kết tài sản và bảng cân đối tiền tệ của Ngân hàng Trung ương cho đến các nghiệp vụ cụ thể như hoạt động điều hành chính sách tiền tệ, hoạt động phát hành tiền, hoạt động thị trường mở, hoạt động tín dụng, hoạt động thanh toán, hoạt động quản lý ngoại hối, hoạt động thanh tra, hoạt động kiểm tra, kiểm toán nội bộ.</p>
	<p>Đấu giá tài sản Property Auctions / EP31.SBF1102 / 3 tín chỉ</p>	<p>Học phần Đấu giá tài sản cung cấp các kiến thức và kỹ năng về loại hình bán hàng hóa đặc thù, đó là những tài sản đấu giá. Học phần được thiết kế với các nội dung cơ bản về hoạt động đấu giá tài sản, bao gồm: (1) những vấn đề cơ bản liên quan đến đấu giá tài sản; (2) quản lý nhà nước về đấu giá tài sản; (3) Pháp luật về đấu giá tài sản; (4) quy trình hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản; (5) tổ chức cuộc đấu giá tài sản; (6) Quy trình tổ chức cuộc đấu giá đối với tài sản công như quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản; (7) Quy trình tổ chức cuộc đấu giá đối với tài sản thuộc của doanh nghiệp.</p>
	<p>Khóa luận tốt nghiệp ngành TCNH Graduation thesis / EP31.SBF1103 / 3 tín chỉ</p>	<p>Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần “Khóa luận tốt nghiệp” yêu cầu sinh viên đến thực tập tốt nghiệp tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất là 12 tuần. Khi viết Khóa luận tốt nghiệp tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng, sinh viên không học trên lớp. Sinh viên sẽ đi thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp và các định chế tài chính nhằm tăng cường khả năng ứng dụng hệ thống kiến thức đã học vào thực tiễn. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã được trang bị trong thời gian học tập trong trường vào việc xem xét, phân tích, lý giải và đề xuất giải pháp cho những vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính của các tổ chức, doanh nghiệp và định chế tài chính.</p>

Phụ lục 2: Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thẩm định giá bằng tiếng Anh	Mã HP	Số TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
1	Triết học Mác – Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	x					x				x	x	x	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	x					x				x	x	x	
3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	EP31.LUCS1129	3		x				x				x	x	x	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	x					x				x	x	x	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	x					x				x	x	x	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	x					x				x	x	x	
	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ ~ 03 HP) Physical Education	GDTC	-													
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-													

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thẩm định giá bằng tiếng Anh	MÃ HP	SỐ TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
7	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	EP31.KHMI1101	3		x				x				x	x	x	
8	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	EP31.KHMA1101	3		x				x				x	x	x	
9	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	EP31.TOCB1110	3		x	x			x				x	x	x	
10	Quản lý học 1 Essentials of Management	EP31.QLKT1101	3		x				x				x	x	x	
11	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Finance Theories 1	EP31.NHLT1101	3			x			x				x	x	x	x
12	Tiếng Anh kinh doanh Business English	EP31.SBF1115	9							x			x	x	x	
13	Tiếng Anh học thuật Academy English	EP31.SBF1114	3							x			x	x	x	x
14	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	EP31.KTKE1101	3			x			x				x	x	x	
15	Quản trị kinh doanh 1 Business Administration 1	EP31.QTTH1102	3			x			x				x	x	x	
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2 Monetary and Finance Theories 2	EP31.NHLT1103	3				x		x		x		x	x	x	x
17	Nguyên lý bảo hiểm Insurance Principles	EP31.BHKT1118	3				x		x		x		x	x	x	x

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thấm định giá bằng tiếng Anh	MÃ HP	SỐ TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
18	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	EP31.NHTC1104	3				x		x		x		x	x	x	x
19	Ngân hàng thương mại 1 Commercial Banking	EP31.NHTM1102	3				x		x		x		x	x	x	x
20	Ngân hàng thương mại 2 Commercial Banking 2	EP31.NHTM1111	3				x		x		x		x	x	x	x
21	Đề án Lý thuyết tài chính tiền tệ Course Project of Monetary and Financial Theories	EP31.NHLT1108	3				x		x		x		x	x	x	x
22	Nguyên lý giá cả thị trường và thẩm định giá Principles of Pricing and Valuation	EP31.SBF1105	3					x	x			x	x	x	x	x
23	Thẩm định giá thiết bị, máy móc Machinery and Equipment Valuation	EP31.SBF1112	3					x	x			x	x	x	x	x
24	Thẩm định giá tài sản vô hình Valuation of Intangible Assets	EP31.SBF1111	3					x	x			x	x	x	x	x
25	Thẩm định giá doanh nghiệp 1 Corporate Valuation 1	EP31.SBF1109	3					x	x			x	x	x	x	x
26	Thẩm định giá doanh nghiệp 2 Corporate Valuation 2	EP31.SBF1110	3					x	x			x	x	x	x	x

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thẩm định giá bằng tiếng Anh	MÃ HP	SỐ TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
27	Thẩm định giá bất động sản 1 Real Estate Valuation 1	EP31.SBF1107	3					x	x			x	x	x	x	x
28	Thẩm định giá bất động sản 2 Real Estate Valuation 2	EP31.SBF1108	3					x	x			x	x	x	x	x
29	Tài chính doanh nghiệp 2 Corporate Finance 2	EP31.NHTC1110	3				x		x		x		x	x	x	x
30	Phân tích tài chính doanh nghiệp Financial Analysis	EP31.NHTC1108	4			x	x		x		x		x	x	x	x
31	Chuyên đề thực tế Project	EP31.SBF1101	3				x		x		x		x	x	x	x
32	Pháp luật trong Thẩm định giá Law on Valuation	EP31.SBF1106	3					x	x			x	x	x	x	x
33	Marketing căn bản Principles of Marketing	EP31.MKMA1104	3		x				x				x	x	x	
34	Kinh tế phát triển Development Economics	EP31.PTKT1128	3		x				x				x	x	x	
35	Kinh doanh thương mại Commercial Business	EP31.TMKT1114	3		x				x				x	x	x	
36	Quản trị nhân lực Human Resource Management	EP31.NLQT1103	3		x				x				x	x	x	

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thâm định giá bằng tiếng Anh	MÃ HP	SỐ TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
37	Thống kê kinh doanh Business statistics	EP31.TKKD1104	3		x	x			x				x	x	x	
38	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	EP31.TIHT1102	3		x	x			x				x	x	x	
39	Căn bản về Fintech và thực thi Introduction to Financial Technology and Implementation	EP31.NHQT1119	3		x	x			x		x		x	x	x	
40	Thị trường chứng khoán Stock Market	EP31.NHCK1117	3				x		x		x		x	x	x	x
41	Tài chính công Public Finance	EP31.NHCO1107	3				x		x		x		x	x	x	x
42	Thâm định tài chính dự án Project Evaluation	EP31.NHTC1112	3				x		x		x		x	x	x	x
43	Tài chính quốc tế International Finance	EP31.NHQT1117	3				x		x		x		x	x	x	x
44	Thâm định giá Thương hiệu Brand Valuation	EP31.SBF1113	3				x		x			x	x	x	x	x
45	Ngân hàng trung ương Central Banking	EP31.NHLT1106	3				x		x		x		x	x	x	x

TT	Nội dung, kế hoạch giảng dạy CTĐT Thẩm định giá bằng tiếng Anh	Mã HP	Số TC	PLO về kiến thức					PLO về kỹ năng				PLO về năng lực tự chủ và trách nhiệm			
				PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 1.4	PLO 1.5	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
46	Đấu giá tài sản Property Auctions	EP31.SBF1102					x		x			x	x	x	x	x
	Khóa luận tốt nghiệp	EP31.SBF1103	10				x		x		x	x	x	x	x	x

VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

PGS.TS Hoàng Xuân Quế

PGS.TS Bùi Huy Nhượng